

Liên hiệp các Hội KHKT
Tỉnh Kon Tum

Sở NN & PTNT
Tỉnh Kon Tum

Viện Tư vấn
Phát triển

Đơn vị phối hợp, hỗ trợ: Viện SPERI, Viện CENDI, Trung tâm CIRUM

Tổng hợp kết quả Hội thảo

Phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của cộng đồng dân tộc thiểu số trong quản trị và phát triển rừng ở Kon Tum

(Kon Tum, ngày 28/8/2015)



Kon Tum, tháng 8 năm 2015

Tổng hợp kết quả Hội thảo Phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của cộng đồng dân tộc thiểu số trong quản trị và phát triển rừng ở Kon Tum

Từ năm 2013 đến 2015, Viện Tư vấn Phát triển (Viện CODE) và Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật tỉnh Kon Tum (LHH) được sự hỗ trợ của các Tổ chức Khoa học Công nghệ (Liên minh LISO¹) đã phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Kon Tum (Sở NN&PTNT), UBND và Ban Ngành huyện Sa Thầy, huyện Kon Plông triển khai nghiên cứu, hỗ trợ giao đất giao rừng (GDGR), tổ chức quản lý bảo vệ rừng, xúc tiến kế hoạch phục hồi rừng cho 5 cộng đồng dân tộc ở xã Hơ Moong, huyện Sa Thầy và xã Pờ Ê, huyện Kon Plông theo chỉ đạo của UBND tỉnh Kon Tum tại Văn bản số 1670/UBND-KTN ngày 12/8/2013 về thống nhất chủ trương thí điểm giao đất gắn giao rừng, bảo vệ rừng đầu nguồn cho cộng đồng làng Ka Bày xã Hơ Moong, huyện Sa Thầy và Văn bản số 2583/UBND-KTN ngày 11 tháng 11 năm 2013 về thống nhất chủ trương đồng ý cho Viện CODE triển khai chương trình hỗ trợ sinh kế gắn với tập quán truyền thống của đồng bào dân tộc trên địa bàn huyện Kon Plông và huyện Sa Thầy giai đoạn 2014 - 2016.

Trên cơ sở những kết quả đạt được trong giai đoạn trên tại Kon Tum cũng như các phát hiện từ quá trình nghiên cứu phân tích chính sách và thực tiễn và kinh nghiệm triển khai các chương trình, dự án của Liên minh LISO về GDGR cho cộng đồng ở một số vùng sinh thái trên cả nước, Viện CODE phối hợp với Sở NN&PTNT và LHH Kon Tum đồng tổ chức Hội thảo “Phát huy bản sắc văn hóa của cộng đồng dân tộc thiểu số trong quản trị và phát triển rừng ở Kon Tum” vào ngày 28 tháng 8 năm 2015 tại thành phố Kon Tum. Mục đích của Hội thảo là nhằm nâng cao nhận thức và kinh nghiệm cho các bên liên quan trong triển khai GDGR và tổ chức quản lý bảo vệ rừng gắn với văn hóa truyền thống của cộng đồng dân tộc thiểu số (DTTS). Đồng thời qua đây bổ sung cơ sở khoa học và thực tiễn về hiệu quả của phương thức quản lý rừng và đất rừng cộng đồng của một số dân tộc nhằm góp phần tư vấn kiến nghị điều chỉnh chính sách liên quan đến quản lý rừng cộng đồng và sửa đổi Luật BV&PTR trong thời gian tới.

Hội thảo ngày 28/8/2015 tại thành phố Kon Tum là bước tiếp theo của Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm mô hình thí điểm GDGR bảo vệ nguồn nước cho cộng đồng làng Ka Bay, xã Hơ Moong, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum và kết quả nghiên cứu đánh giá một số mô hình GDGR cho hộ và cộng đồng theo kế hoạch hợp tác giữa Liên minh LISO (Viện CODE, Viện SPERI, Trung tâm CIRUM) với Cục Kiểm lâm từ kết luận Tọa đàm ngày 8/5/2014 do Tổng cục Lâm nghiệp - Bộ NN&PTNT chủ trì.

Tham dự Hội thảo có 76 đại biểu đại diện cho: (i) Cộng đồng dân tộc Ja Rai, Rơ Ngao (Ba Na) và chính quyền, ban ngành xã Hơ Moong, huyện Sa Thầy; (ii) Cộng đồng dân tộc H'rê và chính quyền, ban ngành xã Pờ Ê, huyện Kon Plông; (iii) Lãnh đạo UBND và ban ngành huyện Kon Plông, huyện Sa Thầy; (iv) Ngành kiểm lâm và tài nguyên môi trường các huyện Tu Mơ Rông, Đăk Glei, Ngọc Hồi; (v) Văn phòng Tỉnh Ủy, Văn phòng UBND tỉnh

¹ Liên minh LISO gồm có các tổ chức: Viện Nghiên cứu Sinh thái Chính sách Xã hội (Viện SPERI), Viện Tư vấn phát triển (Viện CODE), Trung tâm Tư vấn quản lý bền vững tài nguyên và Phát triển văn hóa cộng đồng Đông Nam Á (Trung tâm CIRUM), Viện Phát triển Doanh nhân Cộng đồng (Viện CENDI)

Kon Tum; (vi) Ban ngành chuyên môn Sở NN&PTNT, Sở Tài nguyên môi trường, Ban dân tộc tỉnh Kon Tum; (vii) Tổ chức quản lý rừng nhà nước ở tỉnh Kon Tum; (viii) Cộng đồng dân tộc thiểu số ở tỉnh Lào Cai và Lạng Sơn; (ix) Cơ quan Trung ương gồm: Vụ Nông nghiệp Nông thôn - Ban kinh tế Trung ương, Vụ kinh tế - Ban chỉ đạo Tây Nguyên, Ủy viên đoàn chủ tịch Ủy ban Trung ương mặt trận tổ quốc Việt Nam; (xi) Cơ quan truyền thông: Trung tâm truyền hình Internet - Báo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam, Báo Nhân dân, Đài tiếng nói Việt Nam, Đài phát thanh truyền hình tỉnh Kon Tum, Báo Kon Tum và một số đại biểu khác... Đặc biệt Hội thảo vinh sự hiện diện của ông Nguyễn Hữu Hải, Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh đến dự và lắng nghe ý kiến chia sẻ và thảo luận của các đại biểu.



Ông Nguyễn Hữu Hải, PCT thường trực UBND tỉnh Kon Tum tham dự Hội thảo



Các đại biểu dự Hội thảo

I. TÓM TẮT MỘT SỐ KẾT QUẢ CHÍNH CỦA HỘI THẢO

Hội thảo tập hợp được 7 bài viết làm tài liệu tham khảo cho các đại biểu về các chủ đề (i) Nghiên cứu, phân tích chính sách và thực tiễn GDGR cho cộng đồng; (ii) Chia sẻ kinh nghiệm mô hình GDGR truyền thống cho cộng đồng, mô hình tổ chức quản lý bảo vệ và phục hồi rừng dựa vào luật tục, mô hình đồng quản trị, mô hình liên kết bảo vệ rừng của cộng đồng ở huyện Sa Thầy, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum; (iii) Mô hình GDGR và tổ chức quản lý bảo vệ rừng cộng đồng ở tỉnh Sơn La.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, ông Nguyễn Hữu Nho, Phó Giám đốc Sở NN&PTNT tỉnh Kon Tum nhấn mạnh, pháp luật về bảo vệ phát triển rừng của nước ta luôn nhất quán khẳng định giá trị đặc biệt quan trọng của tài nguyên rừng đối với chiến lược phát triển của đất nước: *“Rừng là bộ phận quan trọng của môi trường sinh thái có giá trị to lớn đối với nền kinh tế quốc dân, gắn liền với đời sống của nhân dân và sự sống còn của dân tộc”*. Bảo vệ và phát triển rừng là sự nghiệp của toàn dân, của toàn xã hội. Phát huy bản sắc văn hóa, sinh kế gắn với rừng và đất rừng của cộng đồng DTTS là nhân tố cơ bản để bảo vệ và phát triển rừng, góp phần ổn định cuộc sống, ổn định xã hội tạo nên sức mạnh đoàn kết của các dân tộc - đảm bảo an ninh chính trị và bảo vệ chủ quyền quốc gia. Rừng cộng đồng gắn bó mật thiết với cuộc sống sinh kế hàng ngày, tâm linh tín ngưỡng và phong tục tập quán của cộng đồng các DTTS. Cộng đồng ý thức được rằng, quản lý bảo vệ rừng hiệu quả sẽ càng tôn vinh ý nghĩa về giá trị văn hóa xã hội, huy động được sức mạnh của cộng đồng và là nền tảng gắn bó giữa các thành viên cộng đồng và giữa cộng đồng với rừng, với thiên nhiên. *“Văn hóa công chiêng*

Tây Nguyên” không thể tách rời với “không gian văn hóa rừng” của đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ của Tây Nguyên.

Để thực hiện có hiệu quả chủ trương của Nhà nước về công tác GDGR và nâng cao hiệu quả tổ chức quản lý bảo vệ và phát triển rừng cho cộng đồng dân cư địa phương và vận dụng trong điều kiện cụ thể ở tỉnh Kon Tum, hiện tại còn nhiều vấn đề cần được làm rõ và rút kinh nghiệm như quan điểm tiếp cận về GDGR cho cộng đồng, những khu vực rừng/loại rừng cần thiết giao cho cộng đồng quản lý, những khu vực rừng cần tổ chức theo hướng đồng quản trị, phương pháp tiếp cận tổ chức quản lý bảo vệ rừng, phục hồi rừng gắn với phát triển kinh tế rừng v.v... Đây là những vấn đề rất mong đợi và hy vọng được các đại biểu chia sẻ, thảo luận tại Hội thảo này.



Ông Nguyễn Hữu Nho, PGĐ Sở NN&PTNT
khai mạc Hội thảo



Ông Nguyễn Văn Sự, PGĐ Trung tâm
CIRUM/CODE giới thiệu Hội thảo

Sau phát biểu khai mạc, Hội thảo đã được nghe báo cáo trình bày tổng quan chính sách và thực tiễn về GDGR cho cộng đồng, đánh giá kết quả GDGR cho cộng đồng do Viện CODE và các đối tác hỗ trợ tại Kon Tum và 14 ý kiến phát biểu, thảo luận của các đại biểu. Ý kiến chia sẻ và thảo luận tại Hội thảo tập trung vào các nhóm vấn đề sau đây.

1. Nhóm vấn đề thứ nhất: Hiệu quả của các mô hình GDGR cho cộng đồng

Quản lý rừng cộng đồng là hình thức quản lý rừng phổ biến của cộng đồng các DTTS Việt Nam. Từ sau Luật đất đai 2003 và Luật BV&PTR năm 2004, công tác GDGR cho cộng đồng đã được xúc tiến đẩy mạnh, nhưng đến nay chủ yếu mới dừng lại ở mức độ thí điểm như Chương trình thí điểm lâm nghiệp cộng đồng 2006-2007 (gồm các cộng đồng dân cư thôn tại 40 xã thuộc 10 tỉnh), Quyết định 304/2005/QĐ-TTg ngày 23/11/2005 về thí điểm giao rừng, khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình và cộng đồng buôn làng DTTS tại chỗ ở các tỉnh Tây Nguyên. Ngoài ra có khoảng 15 dự án ODA hỗ trợ GDGR cho cộng đồng như: Dự án Phát triển lâm nghiệp xã hội do tổ chức GTZ tài trợ (GTZ-SFDP, 1993-2004); Dự án phát triển nông thôn Đắc Lắc do tổ chức GTZ tài trợ (GTZ-RDDL, 2003-2010); Dự án quản lý nguồn tài nguyên bền vững Miền Trung do tổ chức GTZ tài trợ (SMNR-CV, 2004-2010); Dự án KWF6 (2004-2013); Dự án JICA Kon Tum (2005-2008); Dự án hỗ trợ đào tạo khuyến nông, khuyến lâm vùng núi do tổ chức Hevetas tài trợ (Hevetas ETSP 2003-2007); Dự án phát triển lâm nghiệp để cải thiện đời sống vùng Tây Nguyên do ADB tài trợ (ADB Flicht 2008-2014)

và một số dự án hỗ trợ khác của các tổ chức khoa học công nghệ...

Thực tiễn công tác GDGR cho cộng đồng hơn 10 năm qua cho thấy, GDGR cho cộng đồng DTTS miền núi hướng tới ba mục tiêu cơ bản, gồm: (i) mục tiêu văn hóa xã hội và sinh kế truyền thống; (ii) mục tiêu môi trường sinh thái; (iii) mục tiêu kinh tế - tài chính thương mại. Trong ba mục tiêu này, mục tiêu kinh tế - môi trường sinh thái là mục tiêu chung mà các chương trình, dự án hỗ trợ GDGR cho cộng đồng đều hướng tới. Đối với hai mục tiêu còn lại, tùy từng chương trình, dự án hỗ trợ GDGR lựa chọn quan điểm tiếp cận hướng tới mục tiêu chính là văn hóa xã hội và sinh kế truyền thống hoặc mục tiêu chính là kinh tế - tài chính thương mại khi tổ chức GDGR cho cộng đồng.

Quan điểm tiếp cận GDGR cho cộng đồng DTTS hướng tới mục tiêu chính là văn hóa xã hội và sinh kế truyền thống

Quan điểm tiếp cận tổ chức GDGR cho cộng đồng dựa vào mục tiêu trọng tâm là văn hóa xã hội và sinh kế truyền thống hướng tới duy trì phát huy bản sắc văn hóa, sinh kế truyền thống của DTTS trong quản trị tài nguyên rừng. Từ kết quả nghiên cứu đánh giá một số mô hình GDGR cho cộng đồng đã được triển khai ở một số địa phương và kinh nghiệm thực tiễn hỗ trợ GDGR cho cộng đồng của liên minh LISO ở một số địa phương như Lào Cai, Lạng Sơn, Sơn La, Nghệ An, Luông Pra Băng (Lào)... và bài học kinh nghiệm trong việc triển khai GDGR cho một số cộng đồng DTTS tại chỗ ở huyện Sa Thầy, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum từ năm 2013 - 2015, ông Phan Đình Nhã (Phó Viện trưởng Viện CODE) cho rằng, những mô hình GDGR cho cộng đồng triển khai theo quan điểm tiếp cận hướng tới mục tiêu duy trì phát huy văn hóa, sinh kế truyền thống của DTTS thì rừng và đất rừng được quản lý bảo vệ hiệu quả. Mô hình GDGR cho cộng đồng theo quan điểm tiếp cận này có hai hình thức sau:

(i) Mô hình GDGR cộng đồng, theo đó cộng đồng thôn / bản / làng được giao những khu rừng gần bố mật thiết trực tiếp đến văn hóa, tâm linh tín ngưỡng, cuộc sống hàng ngày của cả cộng đồng như rừng tâm linh (rừng thiêng, rừng ma), rừng mố nước / rừng bảo vệ đầu nguồn nước và cuộc sống hàng ngày của người dân. Đây là những khu rừng nếu không pháp lý hóa thì người dân vẫn duy trì bảo vệ vì lợi ích chung của cả cộng đồng. Ví dụ mô hình GDGR cho cộng đồng dân tộc H'Mông, dân tộc Nùng, ở xã Lùng Sui, Sín Chéng, Bản Mế huyện Si Ma Cai, dân tộc Dao ở xã Phìn Ngan, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai; dân tộc Thái ở xã Hạnh Dịch, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An; dân tộc Ja Rai, Rơ Ngao ở xã Hơ Moong, huyện Sa Thầy và dân tộc H'rê làng Viôlăk, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum;

(ii) Mô hình GDGR cho cộng đồng, theo đó cộng đồng được giao cả rừng văn hóa truyền thống và rừng sử dụng (rừng sản xuất - nằm trong ranh giới truyền thống của thôn làng), đồng thời kết hợp đảm bảo cho các hộ trong cộng đồng tiếp cận đầy đủ, công bằng tài nguyên rừng và đất rừng để đảm bảo sinh kế gia đình. Khi đó các thành viên trong cộng đồng an tâm sản xuất và tham gia tích cực bảo vệ rừng cộng đồng. Ví dụ mô hình GDGR cho cộng đồng dân tộc H'Mông Bản Ôn Ốc, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La; dân tộc Tày, Dao ở xã Bắc Lãng, tỉnh Lạng Sơn.



Ông Phan Đình Nhã, PGĐ Viện CODE trình bày kết quả nghiên cứu và kết quả GĐGR cho cộng đồng ở Kon Tum



Ông A.Đứu (dân tộc Ja Rai) làng Ka Bay, xã Hơ Moong, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum chia sẻ mô hình GĐGR và quản lý bảo vệ rừng của làng Ka Bay

Chia sẻ hiệu quả mô hình GĐGR gắn với bảo vệ nguồn nước sinh hoạt cho cộng đồng buôn làng, ông A. Đứu (Trưởng làng kiêm Tổ trưởng bảo vệ rừng dân tộc Ja Rai, làng Ka Bay, xã Hơ Moong, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum) cho biết:

“Dân làng Ka Bay hiện nay có nguồn nước cũng là nhờ vào khu rừng ít ỏi còn sót lại ở gần núi Sac Ly, được chính quyền giao cho bà con chúng tôi quản lý. Bảo vệ được rừng, làng chúng tôi duy trì được lễ hội nước dọt, duy trì truyền thống văn hoá của làng. Bà con vui mừng, phấn khởi khi được giao rừng bảo vệ nguồn nước sinh hoạt của làng. Chúng tôi lập tổ bảo vệ thường xuyên kiểm tra, giám sát đối tượng chặt các loại cây, làm ô nhiễm nguồn nước vi phạm hương ước của làng. Chúng tôi liên kết với Công ty nguyên liệu giấy Miền nam cùng tham gia bảo vệ trên tinh thần tự nguyện chứ không cần chi trả công. Người làng Ka Bay bảo vệ rừng của Công ty nguyên liệu giấy Miền Nam cũng là bảo vệ nguồn nước cho làng. Trong thời gian vừa qua chúng tôi trồng hơn 1.000 cây Téch, cây Trắc, cây Sao và Cẩm lai để phục hồi rừng. Khi tổ chức trồng rừng bổ sung và tổ chức tuần tra bảo vệ rừng có sự lồng ghép phối hợp để đoàn kết anh em tổ bảo vệ với các thôn làng với nhau. Kiểm tra rừng cộng đồng chúng tôi đã phát hiện đối tượng vi phạm luật và hương ước. Chúng tôi đã xử lý theo đúng phong tục, mục đích để duy trì phong tục, cho con cháu sau này hiểu được tập quán của dân tộc mình”.

Từ khi được GĐGR, cộng đồng làng Ka Bay tổ chức quản lý bảo vệ rừng hiệu quả dựa vào luật tục và ngăn chặn được tình trạng xâm phạm đất rừng được giao mặc dù chưa được hỗ trợ chi phí công tác bảo vệ rừng (dự kiến đến cuối năm 2015 mới bắt đầu được chi trả dịch vụ môi trường rừng). Việc được công nhận quyền sử dụng đất rừng tạo điều kiện cho cộng đồng tự tin hơn để lồng ghép luật tục với luật pháp xử lý các vi phạm đến rừng của cộng đồng và thiết lập các mối liên kết bảo vệ rừng với Công ty nguyên liệu giấy Miền Nam và các buôn làng lân cận. Cùng ý kiến với ông A. Đứu, ông A. Cương (Trưởng làng kiêm Tổ trưởng tổ bảo vệ rừng làng Đăk Wok, xã Hơ Moong, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum) chia sẻ:

“Từ khi được Nhà nước GĐGR bảo vệ nguồn nước cho làng, chúng tôi phối hợp với Ban quản lý rừng 4 thôn và đã phát hiện, ngăn chặn hành vi phá rừng. Hiện nay chúng tôi vận động bà con trồng cây lâm nghiệp thay thế dần nương rẫy mì (sắn) để phát triển kinh tế. Trong làng có nhiều hộ đã có kinh nghiệm ươm giống để trồng và sẽ liên kết với các thôn làng lân cận trồng cây lâm nghiệp vùng đầu nguồn thôn Đăk Wok, Kơ Tu và Đăk Yo như làng Ka Bay đã làm”.



A.Thút (dân tộc Rơ Ngao), Chủ tịch mặt trận xã Hơ Moong, chia sẻ giá trị của rừng đối với đồng bào dân tộc Tây Nguyên



A. Cương (dân tộc Rơ Ngao), Trưởng làng kiêm Tổ trưởng tổ bảo vệ rừng làng Đăk Wok, xã Hơ Moong, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum chia sẻ công tác quản lý bảo vệ rừng cộng đồng

Cũng như đồng bào dân tộc Ja Rai, Rơ Ngao ở xã Hơ Moong, huyện Sa Thầy, anh A.Pan, Trưởng làng Viôlăk, xã Pờ Ê, huyện Konplong chia sẻ:

“Phong tục tập quán của người H’rê là gắn bó với rừng. Làng có rừng thiêng, có rừng bảo vệ nguồn nước và rừng cộng đồng của làng. Vang Y Phu (Núi Y Phu) nơi lấy nước và nơi cúng theo phong tục. Các Vang (dãy núi) quanh làng hiện do Ban quản lý rừng phòng hộ Thạch Nham quản lý, nhưng bà con giữ rừng từ lâu rồi. Vừa qua Nhà nước giao cho cộng đồng quản lý khu vực Vang Ka La và chuyển giao rừng của 21 hộ sang giao cho cộng đồng quản lý cho phù hợp với phong tục của làng. Cộng đồng dân làng thành lập tổ bảo vệ rừng và liên kết với các làng lân cận cùng bảo vệ rừng. Mọi người trong làng đều có trách nhiệm bảo vệ rừng”.



A. Pan (dân tộc H’rê) chia sẻ quản trị rừng theo luật tục và GDGR cho cộng đồng ở làng Viôlăk



A. Nghị (dân tộc Ka Dong) chia sẻ bảo vệ rừng dựa vào luật tục và đồng quản trị với BQLRPH Thạch Nham

Chia sẻ về giá trị của tài nguyên rừng với văn hóa truyền thống đối với đồng bào Rơ Ngao nói riêng và đồng bào DTTS tại chỗ Tây Nguyên nói chung, Ông A.Thút, Chủ tịch mặt trận tổ quốc xã Hơ Moong, nghệ nhân văn hóa công chiêng Tây Nguyên cho biết:

“Rừng là nguồn sống chung của dân làng, nên hàng năm phải cúng các vị Thần bằng vật lễ hiến sinh con trâu, con lợn sề, con dê xồm... Từ khi dân làng di dời tái định cư để xây dựng thủy điện Pleikrông, nơi ở hiện nay không còn rừng, chỉ còn một ít rừng dọc ven suối đầu nguồn nước của các làng. Nhà nước đã giao các khu rừng này cho các làng và người dân các làng đã phối hợp bảo vệ hiệu quả, mặc dù không có kinh phí. Rừng được bảo vệ và đảm bảo nguồn nước sinh hoạt cho dân làng”.

Anh A. Nghị, người dân tộc Ka Dong - một nhóm thuộc dân tộc Xê Đăng ở làng Đăk Sao, xã Đăk Ring, huyện Kon Plông cho biết:

“Rừng là tài nguyên giá trị nhất và là nguồn sống đối với người dân Ka Dong. Dân làng Ka Dong bảo vệ rừng từ xưa, từ thời ông bà cha mẹ đến nay và nhắc nhở con cháu bảo vệ rừng, phá rừng thì không có gì ăn, không có gì làm nhà cửa sau này”.

Bổ sung thêm minh chứng về tính hiệu quả của các mô hình GDGR cho cộng đồng theo quan điểm tiếp cận dựa vào mục tiêu văn hóa xã hội và sinh kế truyền thống ở một số tỉnh khác như các mô hình ở tỉnh Kon Tum, ông Dương Quảng Châu (Phó Viện trưởng Viện SPERI) chia sẻ một số kết quả nổi bật và hiệu quả của mô hình GDGR cho cộng đồng dân tộc H'Mông Bản Ôn Ốc, xã Mường Lựm, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La (giao năm 2001 – 2002).

Cụ thể:

(i) Toàn bộ rừng, đất rừng trong ranh giới của bản được giao cho người dân địa phương;

(ii) Cộng đồng dân bản là người quyết định việc GDGR và mọi thành viên trong cộng đồng được tiếp cận công bằng, được giao rừng trực tiếp hoặc theo nhóm (giao cho ai và giao loại rừng nào, tổ chức giao như thế nào...);

(iii) Thực thi GDGR đi trước Luật hay “xé rào”: Giao và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất lâm nghiệp cho cộng đồng bản, cho nhóm hộ (theo cụm dân cư, dòng họ), cho tổ chức cộng đồng (Chi bộ, Đoàn thanh niên, Hội nông dân) khi pháp luật lúc bấy giờ chưa quy định (sau 2003 Luật Đất đai và Luật BV&PTR mới cho phép giao rừng cho cộng đồng). Đồng thời vận hành cơ chế đồng quản trị trong công tác quản lý bảo vệ rừng. Theo đó, các đối tượng được giao rừng ngoài việc quản lý bảo vệ rừng của mình, có trách nhiệm phối hợp với các nhóm hộ, tổ chức cộng đồng, chính quyền xã, hạt kiểm lâm bảo vệ rừng chung của cả cộng đồng bản. Các thành viên trong nhóm hộ đều được cấp GCNQSD đất và ghi thêm “đồng quản lý”;

(iv) Lòng ghép luật tục và luật pháp trong GDGR và tổ chức quản lý bảo vệ rừng: Hồ sơ, bản đồ GDGR thể hiện cả tên địa danh, tên loại rừng truyền thống của dân tộc và theo quy định quản lý ngành lâm nghiệp; tổ chức tuần tra bảo vệ rừng có sự tham gia đầy đủ của các nhóm hộ, đại diện cộng đồng, ban ngành xã, hạt kiểm lâm;

(v) Tính nhân rộng của mô hình: Từ mô hình GDGR cho cộng đồng Bản Ôn Ốc, tỉnh Sơn La đã rút kinh nghiệm và nhân rộng ra toàn tỉnh từ 2005 – 2008. Đến nay tỉnh Sơn La là tỉnh có cơ cấu diện tích đất lâm nghiệp giao cho người dân quản lý sử dụng cao nhất cả nước với hơn 83%.

Tại xã Bắc Lãng, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn, theo chia sẻ của ông Lê Kiên Cường (Mạng lưới đất rừng tỉnh Lạng Sơn), cũng như mô hình GDGR ở Bản Ôn Ốc ở Sơn La, toàn bộ rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn xã đều chuyển giao về cho địa phương quản lý và tổ chức GDGR cho người dân năm 2006 - 2007. Theo đó, 11 cộng đồng thôn bản dân tộc Tày, dân tộc Dao của xã đều đã được giao rừng văn hóa truyền thống (rừng thiêng, rừng đầu nguồn nước), rừng sử dụng chung của cộng đồng. Tất cả hộ nông lâm nghiệp đều được giao đất rừng để trồng rừng kinh tế (trồng keo, thông) và giao rừng tự nhiên để quản lý bảo vệ hưởng lợi các sản phẩm tự rừng. Việc đảm bảo đất sản xuất cho các hộ gia đình để ổn định sinh kế đã góp

phần quan trọng phát huy bản sắc văn hóa bảo vệ rừng cộng đồng, đưa diện tích có rừng năm 2005 chỉ chiếm khoảng 20 – 30% đến năm 2014 lên đến 80 – 90%.

Đồng quan điểm với những ý kiến chia sẻ về tính hiệu quả của mô hình GDGR cho cộng đồng dựa vào mục tiêu chính là văn hóa xã hội và sinh kế truyền thống, ông Trần Đức Thanh (Phó Vụ trưởng Vụ kinh tế - Ban chỉ đạo Tây Nguyên) đánh giá, Hội thảo hướng trọng tâm về GDGR cho cộng đồng gắn với văn hóa truyền thống đã nâng tầm cao hơn, giá trị hơn so với Hội thảo GDGR gắn với mục tiêu kinh tế - tài chính, đặc biệt là đối với cộng đồng DTTS tại chỗ ở Tây Nguyên. Những chia sẻ về các mô hình GDGR tại Hội thảo này rất bổ ích, nhưng vấn đề là làm thế nào để nhân rộng trong điều kiện Tây Nguyên thì cần tiếp tục bàn thêm. Bà Hồ Thị Phi (Phó giám đốc Ban quản lý Dự án lâm nghiệp tỉnh Kon Tum) cũng cho rằng, giao những khu rừng thực sự gắn bó với cộng đồng thì họ bảo vệ và có trách nhiệm bảo vệ hiệu quả.

Các ý kiến chia sẻ và thảo luận tại Hội thảo đều đồng thuận khẳng định các mô hình GDGR cho cộng đồng là rừng tâm linh, rừng mố nước, rừng đầu nguồn, rừng sử dụng chung của cộng đồng đã đem lại hiệu quả. Điều này phù hợp với quy định tại điều 20 của Nghị định 23/2006/NĐ-CP về hướng dẫn thi hành Luật BV&PTR là “ưu tiên giao các khu rừng văn hóa truyền thống cho cộng đồng thôn bản”, phù hợp với Chỉ thị 38/2005/CT-TTg về rà soát quy hoạch ba loại rừng “xác định rõ các khu rừng tâm linh, rừng mố nước, rừng nguồn nước của cộng đồng DTTS”, phù hợp với Quyết định 62/2005/QĐ-BNN về tiêu chí rừng đặc dụng “rừng văn hóa truyền thống của cộng đồng DTTS là tiêu chí xác định phân loại rừng cảnh quan văn hóa”. Có thể thấy rằng, mô hình GDGR cho cộng đồng DTTS dựa vào mục tiêu chính là văn hóa xã hội và sinh kế truyền thống là mô hình hiệu quả và có tính khả thi cao trong điều kiện Nhà nước chưa đủ nguồn lực và huy động các đối tượng sử dụng dịch vụ rừng để chi trả dịch vụ môi trường cho các chủ rừng.

Quan điểm tiếp cận GDGR cho cộng đồng DTTS hướng tới mục tiêu chính là kinh tế - tài chính/thương mại

Một số chương trình dự án GDGR cho cộng đồng đã chọn mục tiêu tiếp cận chính hướng tới kinh tế - tài chính hay nói cách khác là hướng tới hưởng lợi từ khai thác sản phẩm rừng với mục đích thương mại, đặc biệt là hưởng lợi từ khai thác gỗ. Theo phân tích đánh giá của ông Phan Đình Nhã từ kết quả nghiên cứu của Liên minh LISO, thì các mô hình này chưa đủ cơ sở để đánh giá về tính hiệu quả. Xuất phát từ quan điểm quản lý bảo vệ rừng để hưởng lợi khai thác sản phẩm thương mại, nên các mô hình này thường chú trọng giao những khu rừng sản xuất để được phép khai thác. Thực tế ở nhiều dự án GDGR cho cộng đồng theo hình thức này, khi kết thúc dự án thì công tác bảo vệ rừng gặp khó khăn vì không còn nguồn tài chính để tiếp tục hỗ trợ người dân. Mặt khác rừng giao cho cộng đồng thường là rừng nghèo phải chờ thời gian dài mới đáp ứng trữ lượng cho phép khai thác gỗ hưởng lợi, hoặc rừng đạt trữ lượng khai thác nhưng thủ tục hưởng lợi phức tạp nên hầu như chưa có dự án nào thực hiện được (trừ một vài dự án quốc tế). Những năm gần đây, một số mô hình rừng cộng đồng đã được chi trả dịch vụ môi trường rừng nên có điều kiện tổ chức quản lý bảo vệ rừng, trong khi đó một số mô hình rừng cộng đồng không nằm trong vùng chi trả dịch vụ môi trường thì công tác bảo vệ rừng vẫn đang gặp phải nhiều khó khăn. Đồng quan điểm này, ông Trần Đức

Thanh (Phó Vụ trưởng Vụ kinh tế - Ban chỉ đạo Tây Nguyên) cho biết, qua theo dõi công tác GDGR, quản lý bảo vệ rừng, thấy rằng việc GDGR cho cộng đồng nói nhiều nhưng khi triển khai trên thực tế thì gặp phải nhiều khó khăn. Có mô hình thất bại như giao đất theo QĐ 304/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ở tỉnh Đắk Lắk mất rất nhiều tiền, không có chi phí bảo vệ, hưởng lợi khó thực hiện nên chỉ sau vài năm không còn gì trên đất.



Ông Trần Đức Thanh (Ban chỉ đạo Tây Nguyên) và bà Hồ Thị Phi (BQLDA lâm nghiệp) phát biểu tại Hội thảo

Bên cạnh đó, một số mô hình GDGR cho cộng đồng chưa chú trọng phong tục tập quán của cộng đồng DTTS trong quản trị tài nguyên rừng nên đã xảy ra tình trạng:

(i) Giao hoặc khoán bảo vệ rừng cho cộng đồng, hộ gia đình nằm ngoài ranh giới truyền thống của thôn làng, nên cộng đồng ngần ngại trong công tác bảo vệ rừng và nhận tiền chi trả bảo vệ rừng, do họ quan niệm rằng đó là rừng của thôn làng khác. Ví dụ tại Quảng Nam, năm 2004 - 2005 đã GDGR cho 249 cộng đồng với diện tích hơn 160 nghìn ha, nhưng nhiều cộng đồng được giao rừng vị trí quá xa và nằm ngoài ranh giới của thôn làng nên không duy trì được công tác bảo vệ rừng. Đến năm 2013 diện tích này đã bị thu hồi và phần lớn chuyển sang giao lại cho BQLRPH quản lý. Hiện tại chỉ còn khoảng hơn 13 nghìn ha giao cho cộng đồng. Hay các nhóm hộ dân tộc Cờ Tu ở thôn Pà Nai 1, Pà Nai 2, xã Tà Lu, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam được khoán bảo vệ rừng nằm trong ranh giới truyền thống của thôn Dhoong nên người dân không dám đi tuần tra bảo vệ rừng và e ngại nhận tiền bảo vệ rừng (hưởng lợi theo chính sách hộ nghèo của Nghị quyết 30a và chi trả dịch vụ môi trường rừng);

(ii) Giao rừng tự nhiên cho một số hộ trong cộng đồng, sau đó chính quyền phải thu hồi và tổ chức giao lại cho cộng đồng quản lý hoặc cộng đồng tự điều chỉnh theo luật tục. Nguyên nhân là do hình thức giao rừng cho hộ gia đình cá nhân mâu thuẫn với hình thức quản lý chung về rừng của cộng đồng. Rừng của cả cộng đồng chỉ được giao cho một số hộ không đảm bảo công bằng theo phong tục nên đã xảy ra bất hòa giữa hộ được giao và hộ không được giao. Trường hợp này đã xảy ra ở cộng đồng Bản Ro (tỉnh Yên Bái), cộng đồng Mường Phôn II (tỉnh Điện Biên), cộng đồng Bắc Hưng (tỉnh Hòa Bình), cộng đồng dân tộc Ja Rai ở buôn Điết và buôn T'Ly huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk....

Trường hợp tương tự cũng diễn ra ở xã Pờ Ê, huyện Konplông, tỉnh Kon Tum. Anh A. Chôn và A. Pan người dân tộc H'rê chia sẻ:

“Mấy năm trước Nhà nước giao rừng tự nhiên và cấp GCNQSD đất lâm nghiệp cho hộ

gia đình ở 7 thôn làng người H'ré của xã. Mỗi thôn làng chỉ giao rừng tự nhiên cho một số hộ có điều kiện quản lý bảo vệ rừng, còn nhiều hộ trong cộng đồng chưa được giao. Việc giao rừng tự nhiên cho hộ và còn nhiều hộ chưa được giao không phù hợp với phong tục của người H'ré là các thành viên đều được tiếp cận công bằng sử dụng tài nguyên và rừng tự nhiên thuộc quản lý chung của cả làng. Do đó, sau khi giao cho một số hộ, Hội đồng già làng quyết định vẫn quản lý chung cả cộng đồng. Những hộ đã được giao và cấp GCNQSD đất rừng là tổ trưởng nhóm, các hộ chưa được giao tự nguyện tham gia vào các nhóm này. Riêng cộng đồng người H'ré làng Viôlăk đầu năm 2015, cộng đồng làng đã có kiến nghị lên UBND xã Pờ Ê về việc hợp nhất đất rừng tự nhiên đã giao cho 21 hộ sang giao cho cộng đồng. Kiến nghị của cộng đồng làng Viôlăk đã được UBND huyện Kon Plông đồng ý và chỉ đạo cơ quan chức năng hoàn thành thủ tục cấp GCNQSD đất lâm nghiệp cho cộng đồng làng (Cộng đồng làng Viôlăk đã được nhận GCNQSD đất rừng tại Hội thảo này).



Ông Đặng Thanh Nam, PCT huyện Kon Plông bàn giao GCNQSD đất cho làng Viôlăk



Ông Lù Văn Que, đại diện cho các đơn vị trao quà tặng cho học sinh dân tộc vùng tái định cư xã Hơ Moong nhân dịp năm học mới

Lý giải nguyên nhân một số mô hình GDGR cho cộng đồng DTTS hướng trọng tâm vào mục tiêu kinh tế - tài chính thương mại chưa hiệu quả, ông Nguyễn Thanh Cao (Chủ tịch LHH tỉnh Kon Tum) cho rằng: (i) Nhiều mô hình GDGR cho cộng đồng chủ yếu đặt nặng kinh tế - tài chính mà xem nhẹ ý nghĩa xã hội, văn hoá truyền thống của các DTTS; đồng thời chưa quan tâm nghiên cứu sâu về sở hữu gắn với sinh kế và kiến thức bản địa của người dân địa phương; (ii) Các dự án chỉ tài trợ ngắn hạn, khi kết thúc dự án không còn hỗ trợ nên cộng đồng gặp khó khăn để tiếp tục duy trì công tác bảo vệ rừng; (iii) Rừng được giao phần lớn là rừng nghèo, thời gian hưởng lợi chờ trên 10 năm.

2. Nhóm vấn đề thứ hai: Nâng cao hiệu quả GDGR và tổ chức quản lý bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng

Qua những ý kiến chia sẻ, thảo luận phản ánh thực trạng của công tác GDGR và quản lý bảo vệ phát triển rừng cộng đồng tại Kon Tum và các địa phương khác, một số đại biểu đã đề xuất giải pháp để nâng cao hiệu quả GDGR và tổ chức quản lý bảo vệ rừng cộng đồng.

Từ thực trạng rừng bảo vệ nguồn nước giao cho cộng đồng ở các buôn làng tái định cư ở xã Hơ Moong, huyện Sa Thầy chủ yếu là đất cây bụi, rừng nghèo kiệt, trên vùng đầu nguồn có nhiều nương rẫy mì của người dân, rừng nguyên liệu của Công ty giấy Miền Nam sử dụng

thuốc diệt cỏ, xử lý thực bì... gây ô nhiễm nguồn nước, ông A. Đứu, A. Cương đề nghị các cơ quan chức năng cần hỗ trợ trợ các hộ canh tác trên đầu nguồn chuyển đổi từng bước cơ cấu cây trồng từ trồng mì sang trồng đồi lồi (rừng kinh tế) và cây lâm nghiệp bản địa, hỗ trợ phục hồi rừng cộng đồng để bảo vệ nguồn nước ổn định cho dân làng. Đối với các cộng đồng người H' rê xã Pờ Ê, huyện Kon Plông, ông A.Chôn và A. Pan đề nghị các cấp chính quyền tiếp tục quan tâm hỗ trợ các làng hoàn thành hồ sơ chuyển GDGR cho một số hộ sang giao cho cộng đồng ở 6 làng còn lại. Trên cơ sở đó, các làng thiết lập liên kết bảo vệ rừng liên cộng đồng và đồng quản trị với BQLRPH Thạch Nham. Theo ông Lê Kiên Cường (Mạng lưới đất rừng tỉnh Lạng Sơn), sau GDGR cần có mạng lưới đất rừng (hội những người quan tâm đến quản lý bảo vệ rừng và đất lâm nghiệp) để tạo điều kiện liên kết hỗ trợ, đồng hành với người dân gắn bó với rừng, hỗ trợ giải quyết các vướng mắc, đồng thời tạo điều kiện cho dân trồng rừng, phục hồi rừng bảo vệ môi trường sinh thái.



A. Chôn (dân tộc H' rê), chia sẻ GDGR cho hộ và cộng đồng tại xã Pờ Ê



Ông Lê Kiên Cường (Lạng Sơn), chia sẻ kinh nghiệm và đề xuất tổ chức quản lý bảo vệ rừng

Ông Phan Đình Nhã cho rằng, phát huy quyền quản trị rừng truyền thống của cộng đồng DTTS có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với bảo vệ, phát triển rừng, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ nguồn nước và là yếu tố tạo nên sức mạnh đoàn kết các dân tộc bảo vệ an ninh, chủ quyền quốc gia. Do vậy, khi hoạch định và thực thi chính sách liên quan đến quản lý rừng cộng đồng cần:

(i) Xác định rừng và đất rừng là nguồn lực, nguồn tài nguyên, là tài sản, tư liệu cơ bản đối với sinh kế và cuộc sống của DTTS miền núi như đất sản xuất nông nghiệp của người dân vùng đồng bằng;

(ii) Tôn trọng thiết chế sở hữu/quyền quản lý tài nguyên giữa các cộng đồng và trong nội bộ cộng đồng (giao trong ranh giới truyền thống và đảm bảo công bằng);

(iii) Trước mắt ưu tiên giao các khu rừng truyền thống gắn với cuộc sống văn hóa, sinh kế của DTTS như rừng tâm linh, rừng mố nước/bảo vệ nguồn nước, rừng sử dụng chung của cả cộng đồng. Thực hiện rà soát đất nông lâm nghiệp của tổ chức nhà nước (theo Điều 133 Luật Đất đai năm 2013) cần tuân thủ tiêu chí rà soát phân loại rừng (Quyết định 62/2005/QĐ-BNN, Chỉ thị 38/2005/CT-TTg) để thu hồi đất rừng truyền thống và giao cho cộng đồng quản lý;

(iv) Có cơ chế khuyến khích phát triển các liên kết bảo vệ rừng giữa các hộ, giữa các cộng đồng. Đẩy mạnh và phát triển cơ chế đồng quản trị giữa các thành viên trong nhóm hộ,

cơ chế đồng quản trị đích thực giữa cộng đồng với BQL và công ty lâm nghiệp nhà nước ở những khu vực chiến lược quốc gia không giao được cho cộng đồng (cả hai bên đều là chủ rừng)... Mặt khác, đối với trường hợp giao rừng sản xuất cho cộng đồng để quản lý sử dụng, bảo vệ hướng tới hưởng lợi về kinh tế - tài chính, cần cân nhắc chỉ nên giao khi có điều kiện sau đây

Thứ nhất, hưởng lợi từ sản xuất kinh doanh rừng cộng đồng nhằm mục đích chính là đóng góp vào quỹ sử dụng chung của cộng đồng (hỗ trợ công tác bảo vệ rừng, hỗ trợ tương thân tương ái cho thành viên gặp khó khăn...).

Thứ hai cộng đồng phân công cho các nhóm hộ/dòng họ quản lý và hưởng lợi. Chú trọng công tác quản lý bảo vệ rừng, phục hồi rừng, làm giàu rừng dựa vào luật tục và tri thức bản địa của DTTS. Công tác phục hồi rừng, làm giàu rừng tập trung phát triển cây lâm nghiệp bản địa theo các chu kỳ phát triển khác nhau để hỗ trợ cuộc sống của người dân (đặc biệt là hộ nghèo) như cây ngắn hạn (<10 năm), trung hạn (10 – 20 năm), dài hạn (trên 20 năm).

Để xúc tiến đẩy mạnh và có hiệu quả công tác GDGR cho cộng đồng, ông Trần Đức Thanh (Phó Vụ trưởng Vụ kinh tế - Ban chỉ đạo Tây Nguyên) cho rằng, cần xác định điều kiện khi tổ chức GDGR cho cộng đồng, đó là:

(i) Vai trò thể chế quản trị cộng đồng và mối quan hệ giữa cộng đồng với rừng có còn không?

(ii) Trình độ nhận thức và tác động của thị trường hàng hóa đến cộng đồng. Nếu cộng đồng đã phát triển mạnh kinh tế hàng hóa thì rất dễ bị tác động bên ngoài, ảnh hưởng đến công tác bảo vệ rừng;

(iii) Vị trí của khu rừng ở đâu, có nằm trong không gian ranh giới của họ không?;

(iv) Xác định lợi ích hướng tới khi giao rừng cho cộng đồng: Văn hóa, đời sống, công tác bảo vệ rừng...

Theo bà Hồ Thị Phi (Ban quản lý dự án lâm nghiệp tỉnh Kon Tum), để đảm bảo thực thi quyền hưởng lợi của cộng đồng đối với rừng được giao, cần hỗ trợ cách thức khai thác và sử dụng lâm sản một cách đơn giản mà hợp pháp. Nếu chỉ làm nhà rông mà phải xin kiểm lâm cho khai thác thì mất rất nhiều thủ tục. Nghiên cứu thể nào cho cộng đồng hưởng lợi cao nhất với thủ tục đơn giản nhất. Cần nghiên cứu để đưa ra lời giải để đảm lợi ích cho cộng đồng, xã hội và sinh thái. Bên cạnh việc đẩy mạnh GDGR cho cộng đồng, cần phát triển cơ chế đồng quản trị giữa cộng đồng với tổ chức quản lý rừng của Nhà nước.

Theo ý kiến phát biểu của ông Lù Văn Que (Ủy viên Đoàn chủ tịch Trung ương mặt trận tổ quốc Việt Nam), để bảo vệ và phát triển rừng hiệu quả cần làm sao người sinh sống vùng rừng sống được bằng nghề rừng, lấy rừng nuôi rừng, rừng nuôi người, người phải nuôi lại rừng. Rừng nuôi cây, đất và nước; đất và nước nuôi cây và con người. Chúng ta cần vận dụng mọi hình thức để phát triển rừng. Nếu cứ hô hào bảo vệ rừng mà chi trả 200.000 đồng/ha/năm thì không thể sống được. Do đó, chính sách cần phải điều chỉnh lại. Phát triển rừng phải có cộng đồng sử dụng luật tục của dân tộc để bảo vệ rừng. Vận dụng luật tục xử phạt người vi phạm vừa để răn đe vừa giáo dục mọi người trong làng. Có hình thức tạo cho mọi người trong xã hội ý thức giữ đất, giữ nước và rừng.



Ông Lù Văn Que (UBTW mặt trận tổ quốc Việt Nam)
và Ông Nguyễn Thanh Cao (Chủ tịch LHH Kon Tum) phát biểu tại Hội thảo

II. KẾT LUẬN HỘI THẢO

Sau thời gian trao đổi, chia sẻ thảo luận về hiệu quả của các mô hình GDGR và quản lý rừng bảo vệ rừng cộng đồng, ông Nguyễn Hữu Nho, Phó giám đốc Sở NN&PTNT tỉnh Kon Tum thay mặt Chủ tọa đoàn và các đơn vị đồng chủ trì nhiệt liệt cảm ơn các đại biểu đã có nhiều ý kiến chia sẻ, thảo luận thẳng thắn, có giá trị thực tiễn cao để các cộng đồng và cơ quan có thẩm quyền rút kinh nghiệm triển khai GDGR cho cộng đồng. Nhiều đề xuất kiến nghị của các đại biểu có cơ sở để tư vấn điều chỉnh chính sách liên quan đến quản lý rừng cộng đồng. Ông Nguyễn Hữu Nho cũng đã tổng hợp ý kiến chia sẻ thảo luận của các đại biểu thành những vấn đề chính sau đây:

1. Các đại biểu đánh giá cao chủ đề và nội dung thảo luận tại Hội thảo về phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của cộng đồng DTTS trong quản trị tài nguyên rừng và phát triển rừng. Phát huy bản sắc văn hóa của cộng đồng các DTTS là vấn đề đang được xã hội quan tâm và là một trong những chiến lược quan trọng của Đảng để phát triển đất nước tại Nghị quyết 33-NQ/TW của Trung ương Đảng khóa XI (năm 2013): “Văn hóa là *nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững* đất nước, văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội. Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học”.

2. Những cộng đồng được giao những loại rừng gắn bó mật thiết với đời sống, văn hóa tâm linh, sinh kế truyền thống của cộng đồng như rừng thiêng, rừng mố nước, rừng nguồn nước, rừng sử dụng chung của cộng đồng là những mô hình GDGR và tổ chức quản lý bảo vệ rừng có hiệu quả. Phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, tri thức bản địa của cộng đồng các DTTS là yếu tố quan trọng đối với sự nghiệp bảo vệ và phát triển rừng và ổn định xã hội của đất nước.

3. Trong thời gian trước mắt, cần tập trung ưu tiên giao những khu rừng văn hóa truyền thống cho cộng đồng quản lý, sử dụng bảo vệ và phát triển rừng. Điều chỉnh chính sách và tổ chức GDGR cho cộng đồng cần chú trọng phong tục tập quán quản trị tài nguyên, tri thức bản địa của cộng đồng DTTS.

4. Huy động nguồn lực để hỗ trợ cộng đồng DTTS phục hồi và phát triển rừng được

giao, đặc biệt là cây lâm nghiệp bản địa để phát triển sinh kế dựa vào rừng và nâng cao đời sống bằng nghề rừng.

5. Nhà nước cần có cơ chế khuyến khích tăng cường các liên kết bảo vệ rừng giữa các cộng đồng, cơ chế đồng quản trị trong cộng đồng và giữa cộng đồng với BQLR và Công ty lâm nghiệp Nhà nước.